

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành Xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 808/QĐ-BXD ngày 17/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính “Cung cấp thông tin về Quy hoạch xây dựng” thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; Quyết định số 461/QĐ-BXD ngày 21/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công bố sửa đổi cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng; Quyết định số 864/QĐ-BXD ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hoạt động xây dựng theo quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng; Quyết định số 870/QĐ-BXD ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực hàng hải và đường thủy nội địa, đăng kiểm theo quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng; Quyết định số 871/QĐ-BXD ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng; Quyết định số 901/QĐ-BXD ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng; Quyết định số 902/QĐ-BXD ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng*

*Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hàng hải và đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng; Quyết định số 903/QĐ-BXD ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nhà ở, liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 36 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thay thế trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành Xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã (có phụ lục kèm theo được chuyển qua Văn phòng điện tử), cụ thể:

- a) Danh mục thủ tục hành chính (bao gồm thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến, thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi của tỉnh; thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích).
- b) Nội dung cụ thể; quy trình nội bộ, liên thông và điện tử; thành phần hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính cần phải số hóa của từng thủ tục hành chính.

### **Điều 2. Trách nhiệm thực hiện**

**1.** Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường chịu trách nhiệm về hình thức, nội dung công khai thủ tục hành chính tại nơi tiếp nhận hồ sơ, Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị theo đúng quy định đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của cơ quan, đơn vị mình.

**2.** Giao Sở Xây dựng cập nhật nội dung thủ tục hành chính, quy trình nội bộ, liên thông và điện tử của thủ tục hành chính lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện tích hợp, đồng bộ thủ tục hành chính lên Cổng dịch vụ công Quốc gia.

### **3. Giao Sở Khoa học và Công nghệ**

a) Phối hợp Sở Xây dựng thực hiện tích hợp, đồng bộ tất cả thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này lên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

b) Chịu trách nhiệm hỗ trợ kỹ thuật đối với việc thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh, Cổng Dịch vụ công quốc gia.

**4.** Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cập nhật tất cả nội dung của thủ tục hành chính lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Quyết định công bố trước đây về thủ tục hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành Xây dựng có liên quan thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KS TTHC);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- VP: LĐVP, TTPVHCC;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT (Uyên).

**CHỦ TỊCH**



**Trần Trí Quang**

**Phụ lục 1**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 216 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)*

| STT                         | Mã TTHC  | Tên TTHC                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Phí, lệ phí |        | TTHC liên thông, không thuộc địa giới hành chính (phi địa giới) |        |              | Dịch vụ công trực tuyến |          |                    | Dịch vụ BCCI | Ghi chú |
|-----------------------------|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------|-----------------------------------------------------------------|--------|--------------|-------------------------|----------|--------------------|--------------|---------|
|                             |          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Phí         | Lệ phí | Cùng cấp                                                        | 02 cấp | Phi địa giới | Toàn trình              | Một phần | Cung cấp thông tin |              |         |
| (1)                         | (2)      | (3)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | (4)         | (5)    | (6)                                                             | (7)    | (8)          | (9)                     | (10)     | (11)               | (12)         | (13)    |
| <b>I. LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ</b> |          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |             |        |                                                                 |        |              |                         |          |                    |              |         |
| 1                           | 1.013061 | Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác                                                                                                                                                                                                                                                                                        |             |        |                                                                 |        | x            | x                       |          |                    | x            |         |
| 2                           | 1.013274 | Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác                                                                                                                                                                                                                                                                                        |             |        |                                                                 |        | x            | x                       |          |                    | x            |         |
| 3                           | 1.000314 | Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác                                                                                                                                                                                                                                                                                             |             |        |                                                                 |        | x            | x                       |          |                    | x            |         |
| 4                           | 2.001921 | Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá |             |        |                                                                 |        | x            | x                       |          |                    | x            |         |

| STT                                                | Mã TTHC  | Tên TTHC                                                                                                                                                              | Phí, lệ phí |        | TTHC liên thông, không thuộc địa giới hành chính (phi địa giới) |        |              | Dịch vụ công trực tuyến |          |                    | Dịch vụ BCCI | Ghi chú |
|----------------------------------------------------|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------|-----------------------------------------------------------------|--------|--------------|-------------------------|----------|--------------------|--------------|---------|
|                                                    |          |                                                                                                                                                                       | Phí         | Lệ phí | Cùng cấp                                                        | 02 cấp | Phi địa giới | Toàn trình              | Một phần | Cung cấp thông tin |              |         |
| (1)                                                | (2)      | (3)                                                                                                                                                                   | (4)         | (5)    | (6)                                                             | (7)    | (8)          | (9)                     | (10)     | (11)               | (12)         | (13)    |
|                                                    |          | khở giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ                                                                                                   |             |        |                                                                 |        |              |                         |          |                    |              |         |
| <b>II. LĨNH VỰC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA</b> |          |                                                                                                                                                                       |             |        |                                                                 |        |              |                         |          |                    |              |         |
| 1                                                  | 1.009444 | Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa                                                                                                                              | x           |        |                                                                 |        | x            | x                       |          |                    | x            |         |
| 2                                                  | 1.009447 | Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa                                                                                                                                   |             |        |                                                                 |        | x            | x                       |          |                    | x            |         |
| 3                                                  | 1.003930 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện                                                                                                                           |             | x      |                                                                 |        | x            | x                       |          |                    | x            |         |
| 4                                                  | 1.006391 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác |             | x      |                                                                 |        | x            | x                       |          |                    | x            |         |
| 5                                                  | 1.003970 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện                                               |             | x      |                                                                 |        | x            |                         | x        |                    | x            |         |
| 6                                                  | 1.004002 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện                                             |             | x      |                                                                 |        | x            |                         | x        |                    | x            |         |
| 7                                                  | 1.004036 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa                                                 |             | x      |                                                                 |        | x            | x                       |          |                    | x            |         |

| STT | Mã TTHC  | Tên TTHC                                                                                                       | Phí, lệ phí |        | TTHC liên thông, không thuộc địa giới hành chính (phi địa giới) |        |              | Dịch vụ công trực tuyến |          |                    | Dịch vụ BCCI | Ghi chú |
|-----|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------|-----------------------------------------------------------------|--------|--------------|-------------------------|----------|--------------------|--------------|---------|
|     |          |                                                                                                                | Phí         | Lệ phí | Cùng cấp                                                        | 02 cấp | Phi địa giới | Toàn trình              | Một phần | Cung cấp thông tin |              |         |
| (1) | (2)      | (3)                                                                                                            | (4)         | (5)    | (6)                                                             | (7)    | (8)          | (9)                     | (10)     | (11)               | (12)         | (13)    |
| 8   | 2.001711 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật                          |             | x      |                                                                 |        | x            |                         | x        |                    | x            |         |
| 9   | 1.004047 | Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa                         |             | x      |                                                                 |        | x            | x                       |          |                    | x            |         |
| 10  | 1.004088 | Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa                         |             | x      |                                                                 |        | x            | x                       |          |                    | x            |         |
| 11  | 2.001659 | Xóa đăng ký phương tiện                                                                                        |             |        |                                                                 |        | x            | x                       |          |                    | x            |         |
| 12  | 1.005040 | Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung                                |             |        |                                                                 |        |              | x                       |          |                    | x            |         |
| 13  | 1.009443 | Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu                                                                    |             |        |                                                                 |        | x            | x                       |          |                    | x            |         |
| 14  | 1.009452 | Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa                                                         |             |        |                                                                 |        |              | x                       |          |                    | x            |         |
| 15  | 1.009453 | Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính |             |        |                                                                 |        | x            | x                       |          |                    | x            |         |
| 16  | 1.009454 | Công bố hoạt động bến thủy nội địa                                                                             | x           |        |                                                                 |        | x            | x                       |          |                    | x            |         |
| 17  | 1.009455 | Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình                           | x           |        |                                                                 |        | x            | x                       |          |                    | x            |         |

| STT | Mã TTHC  | Tên TTHC                                                                                                                                                                                                                       | Phí, lệ phí |        | TTHC liên thông, không thuộc địa giới hành chính (phi địa giới) |        |              | Dịch vụ công trực tuyến |          |                    | Dịch vụ BCCI | Ghi chú |
|-----|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------|-----------------------------------------------------------------|--------|--------------|-------------------------|----------|--------------------|--------------|---------|
|     |          |                                                                                                                                                                                                                                | Phí         | Lệ phí | Cùng cấp                                                        | 02 cấp | Phi địa giới | Toàn trình              | Một phần | Cung cấp thông tin |              |         |
| (1) | (2)      | (3)                                                                                                                                                                                                                            | (4)         | (5)    | (6)                                                             | (7)    | (8)          | (9)                     | (10)     | (11)               | (12)         | (13)    |
|     |          | chính                                                                                                                                                                                                                          |             |        |                                                                 |        |              |                         |          |                    |              |         |
| 18  | 1.003658 | Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa                                                                                                                                                                                         | x           |        |                                                                 |        | x            | x                       |          |                    | x            |         |
| 19  | 2.001218 | Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát |             |        |                                                                 |        | x            | x                       |          |                    | x            |         |
| 20  | 2.001217 | Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát |             |        |                                                                 |        | x            | x                       |          |                    | x            |         |
| 21  | 2.001215 | Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu                                                                                                                                                             |             |        |                                                                 |        | x            | x                       |          |                    | x            |         |
| 22  | 2.001214 | Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước                                                                                                                                                                 |             |        |                                                                 |        | x            | x                       |          |                    | x            |         |
| 23  | 2.001212 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước                                                                                                                                             |             |        |                                                                 |        | x            | x                       |          |                    | x            |         |

| STT                                                | Mã TTHC  | Tên TTHC                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Phí, lệ phí |        | TTHC liên thông, không thuộc địa giới hành chính (phi địa giới) |        |              | Dịch vụ công trực tuyến |          |                    | Dịch vụ BCCI | Ghi chú |
|----------------------------------------------------|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------|-----------------------------------------------------------------|--------|--------------|-------------------------|----------|--------------------|--------------|---------|
|                                                    |          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Phí         | Lệ phí | Cùng cấp                                                        | 02 cấp | Phi địa giới | Toàn trình              | Một phần | Cung cấp thông tin |              |         |
| (1)                                                | (2)      | (3)                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | (4)         | (5)    | (6)                                                             | (7)    | (8)          | (9)                     | (10)     | (11)               | (12)         | (13)    |
| 24                                                 | 2.001211 | Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước                                                                                                                                                                                                                                      |             |        |                                                                 |        | x            | x                       |          |                    | x            |         |
| <b>III. LĨNH VỰC QUY HOẠCH XÂY DỰNG, KIẾN TRÚC</b> |          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |             |        |                                                                 |        |              |                         |          |                    |              |         |
| 1                                                  | 1.008455 | Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã                                                                                                                                                                                                                |             |        |                                                                 |        | x            | x                       |          |                    | x            |         |
| <b>IV. LĨNH VỰC NHÀ Ở VÀ CÔNG SỞ</b>               |          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |             |        |                                                                 |        |              |                         |          |                    |              |         |
| 1                                                  | 1.012888 | Công nhận Ban quản trị nhà chung cư                                                                                                                                                                                                                                                                 |             |        |                                                                 |        |              | x                       |          |                    | x            |         |
| <b>V. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG</b>              |          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |             |        |                                                                 |        |              |                         |          |                    |              |         |
| 1                                                  | 1.013225 | Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ |             | x      |                                                                 |        |              |                         | x        |                    | x            |         |
| 2                                                  | 1.013229 | Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh                                                                                                                              |             | x      |                                                                 |        |              |                         | x        |                    | x            |         |

| STT | Mã TTHC  | Tên TTHC                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Phí, lệ phí |        | TTHC liên thông, không thuộc địa giới hành chính (phi địa giới) |        |              | Dịch vụ công trực tuyến |          |                    | Dịch vụ BCCI | Ghi chú |
|-----|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------|-----------------------------------------------------------------|--------|--------------|-------------------------|----------|--------------------|--------------|---------|
|     |          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Phí         | Lệ phí | Cùng cấp                                                        | 02 cấp | Phi địa giới | Toàn trình              | Một phần | Cung cấp thông tin |              |         |
| (1) | (2)      | (3)                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | (4)         | (5)    | (6)                                                             | (7)    | (8)          | (9)                     | (10)     | (11)               | (12)         | (13)    |
|     |          | hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ                                                                                                                                                                 |             |        |                                                                 |        |              |                         |          |                    |              |         |
| 3   | 1.013232 | Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ          |             | x      |                                                                 |        |              |                         | x        |                    | x            |         |
| 4   | 1.013226 | Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ |             | x      |                                                                 |        |              |                         | x        |                    | x            |         |
| 5   | 1.013227 | Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công                                                                                                                                                                                                                                                                   |             | x      |                                                                 |        |              |                         | x        |                    | x            |         |

| STT | Mã TTHC  | Tên TTHC                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Phí, lệ phí |        | TTHC liên thông, không thuộc địa giới hành chính (phi địa giới) |        |              | Dịch vụ công trực tuyến |          |                    | Dịch vụ BCCI | Ghi chú |
|-----|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------|-----------------------------------------------------------------|--------|--------------|-------------------------|----------|--------------------|--------------|---------|
|     |          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Phí         | Lệ phí | Cùng cấp                                                        | 02 cấp | Phi địa giới | Toàn trình              | Một phần | Cung cấp thông tin |              |         |
| (1) | (2)      | (3)                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | (4)         | (5)    | (6)                                                             | (7)    | (8)          | (9)                     | (10)     | (11)               | (12)         | (13)    |
|     |          | trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ                                          |             |        |                                                                 |        |              |                         |          |                    |              |         |
| 6   | 1.013228 | Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ |             | x      |                                                                 |        |              |                         | x        |                    | x            |         |